

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 157/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018.
V/v “Xin ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Viết Phúc.
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 01, khối Phước Hòa, phường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 01, khối Phước Hòa, phường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11.5. 2018, đơn trình bày ngày 23.5.2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Lê Thị H trình bày:

Vợ chồng bà sau khoảng thời gian tìm hiểu nhau khoảng 2, 3 năm thì quyết định kết hôn. Ông bà kết hôn vào năm 1989, không có tổ chức đám cưới, cũng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân của việc không đăng ký kết hôn là do cuộc sống quá cơ cực, vợ chồng thường xuyên xung đột nên lúc đó ông bà không có nghĩ đến việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống ở nhà mẹ đẻ của bà một

thời gian khoảng 5,6 năm rồi mới ra riêng, tạo dựng cuộc sống mới. Lúc đó, cuộc sống vợ chồng cũng không phải là hạnh phúc mỹ mãn. Vợ chồng cũng thường hay cãi nhau, đánh đập nhau. Tuy nhiên, ông bà vẫn có thể chịu đựng nhau được để cùng lo cho các con. Đến năm 2015, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân theo bà là do ông Th quá gia trưởng, đánh đập vợ con, quan hệ bồ bịch. Nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng đã hết, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để bà có thể an tâm lo cho con ăn học.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung:

- Lê Văn V, sinh ngày 18/5/1990.
- Lê Hữu H, sinh ngày 28/6/1998.
- Lê Minh Th, sinh ngày 28/10/2002.

Hai con đầu đã trưởng thành nên bà không đề cập đến. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Th, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Từ trước đến nay một mình bà lo cho cháu Th ăn học. Hiện nay, bà đang làm việc tại khách sạn Hoàng Gia Ven Sông từ 7 giờ tới 15 giờ, thu nhập khoảng 4.200.000 đồng/ 1 tháng. Ngoài ra, bà còn phụ nhà hàng vào ban đêm, thu nhập được khoảng 2.500.000 đồng/ 1 tháng, đủ khả năng tự lo cho con đầy đủ mà không cần sự trợ giúp của ông Thanh.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23.5.2018, bị đơn, ông Lê Văn Th trình bày:

Vợ chồng ông sau khoảng thời gian tìm hiểu nhau gần 05 năm thì quyết định chung sống. Hai người bắt đầu sống chung vào năm 1989, không có tổ chức đám cưới, cũng như không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân của việc không đăng ký kết hôn là do ban đầu con còn nhỏ, công việc nhiều nên cả hai không có thời gian để đi đăng ký kết hôn. Sau đó, cả hai vợ chồng quên đi việc đăng ký kết hôn cho đến nay. Tuy nhiên, hôn nhân của hai bên hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Đến năm 2014, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà H đi sớm, về khuya nên vợ chồng bắt đầu cãi vã. Bà H bỏ về nhà cha mẹ sống và sau đó tự thuê nhà để sống. Nay bà H có đơn xin ly hôn, ông Th đồng ý ly hôn, để chấm dứt cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung:

- Lê Văn V, sinh ngày 18/5/1990.
- Lê Hữu H, sinh ngày 28/6/1998.
- Lê Minh Th, sinh ngày 28/10/2002.

Hai con đầu đã trưởng thành nên ông không có ý kiến. Ông Th đồng ý giao con tên Th cho bà H nuôi dưỡng mà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 27 tháng 7 năm 2018, ông Lê Văn Th khai vợ chồng ông có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên. Nhưng do lâu quá nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông trong những phiên xử sau.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th sống chung với nhau từ năm 1989 mà không đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng của bà H, ông Th. Về con chung, giao cháu Lê Minh Th cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không cấp dưỡng nuôi con, ông Th có quyền thăm nom con chung. Bà Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Lê Văn Th; ông Th cư trú tại tổ 01, khối Phước Hòa, phường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa ngày 27 tháng 7 năm 2017, ông Th xin xét xử vắng mặt ông trong các lần xét xử sau. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hội An căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi tạm ngừng phiên tòa, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Duy Hải, huyện Duy Xuyên và Ủy ban nhân dân phường Cửa Đại, thành phố Hội An, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, không có hồ sơ lưu trữ nào về việc bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th tiến hành đăng ký kết hôn theo thủ tục pháp lý tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà H, ông Th có đủ điều kiện kết hôn theo các Điều 5,6 và 7 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, ông bà đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1989. Căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của ông , bà được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 để giải quyết. Tuy nhiên, trường hợp của ông, bà Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 chưa có quy định. Đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, tại

điểm b Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội quy định “...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm...”

Từ sau 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*”.

Do đó, để thống nhất áp dụng pháp luật, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử vụ án. Bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn nên việc chung sống của bà H và ông Th không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th thống nhất có 03 con chung:

- Lê Văn V, sinh ngày 18/5/1990.
- Lê Hữu H, sinh ngày 28/6/1998.
- Lê Minh Th, sinh ngày 28/10/2002.

Hai con Lê Văn V và Lê Hữu H đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân và bà H, ông Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th thống nhất giao cháu Lê Minh Th cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Th không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng bà vẫn không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thoả thuận của bà H và ông Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lê Minh Th, đúng với quy định tại các Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông Th thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị H và ông Lê Văn Th là vợ chồng.

2) Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: có 03 chung:

- Lê Văn V, sinh ngày 18/5/1990 (*đã trưởng thành*).

- Lê Hữu H, sinh ngày 28/6/1998 (*đã trưởng thành*).

- Lê Minh Th, sinh ngày 28/10/2002.

Giao cháu Lê Minh Th cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Th có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3) Án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng y*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng y*) theo biên lai số 0009413 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (*17/8/2018*). Ông Lê Văn Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Huỳnh Thị Bích Hà